

PHỤ LỤC
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
I	Kỳ họp HĐND				
1	Chi bồi dưỡng kỳ họp của HĐND				
-	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000	70.000
-	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/buổi	300.000	200.000	150.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
2	Chế độ ăn, nghỉ				
-	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho các đại biểu HĐND, đại biểu mời ở xa trên 10km khi đăng ký ăn, nghỉ; đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán.				
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự kỳ họp	đồng/người/ngày	300.000	200.000	150.000
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự kỳ họp		Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		
3	Chi công tác xây dựng, thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết				
3.1	Xây dựng dự thảo Nghị quyết do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp (không phải văn bản QPPL)				
-	Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	đồng/nghị quyết	2.000.000	1.500.000	1.000.000
-	Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ	đồng/nghị quyết	1.500.000	1.000.000	700.000
3.2	Chi cho các Ban thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết				
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	đồng/báo cáo thẩm tra	2.000.000	1.500.000	1.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ	đồng/báo cáo thẩm tra	1.500.000	1.000.000	700.000
3.3	Chi cho các Ban phối hợp thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết				
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	đồng/báo cáo thẩm tra	750.000	500.000	350.000
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ	đồng/báo cáo thẩm tra	750.000	500.000	350.000
3.4	Báo cáo của Thường trực giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	đồng/văn bản	700.000	500.000	350.000
3.5	Các Ban giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	đồng/nghị quyết	700.000	500.000	350.000
4	Thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp				
	Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp	đồng/báo cáo	500.000	350.000	250.000
5	Xây dựng báo cáo, văn bản của kỳ họp				
-	Biên bản kỳ họp	đồng/văn bản	1.000.000	700.000	500.000
-	Đề cương Báo cáo kết quả kỳ họp phục vụ đại biểu tiếp xúc cử tri	đồng/văn bản	500.000	350.000	250.000
-	Báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	350.000	250.000
II	Hội nghị của Thường trực HĐND				
1	Chi bồi dưỡng hội nghị của Thường trực HĐND				
-	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự hội nghị	đồng/người/ buổi	150.000	100.000	70.000
-	Chủ tọa hội nghị		300.000	200.000	150.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
-	Nhân viên phục vụ	đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
-	Báo cáo kết quả, kết luận hội nghị	đồng/văn bản	1.000.000	700.000	500.000
-	Chi xây dựng Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	đồng/văn bản	1.000.000	700.000	500.000
2	Viết bài tham luận				
-	Viết bài, tham luận của người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực phục vụ hoạt động của HĐND (<i>khi Thường trực HĐND, Lãnh đạo các Ban HĐND đặt bài tham luận</i>).	đồng/bài	500.000	300.000	200.000
-	Viết bài tham luận cấp khu vực	đồng/bài	1.500.000		
-	Viết bài tham luận hai cấp tỉnh - huyện	đồng/bài	1.000.000	700.000	500.000
-	Viết bài tham luận hai cấp huyện - xã	đồng/bài	700.000	500.000	300.000
3	Chế độ ăn, nghỉ				
-	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho các đại biểu HĐND, đại biểu mời ở xa trên 10km khi đăng ký ăn, nghỉ; đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán.				
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự hội nghị	đồng/người/ ngày	300.000	200.000	150.000
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự hội nghị		Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		
III	Hoạt động giám sát, khảo sát				
1	Đối với giám sát				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
-	Xây dựng quyết định kế hoạch, đề cương giám sát	đồng/cuộc	1.000.000	700.000	500.000
-	Nghiên cứu, xây dựng Báo cáo kết quả giám sát	đồng/cuộc	1.500.000	1.000.000	700.000
2	Chi bồi dưỡng giám sát				
-	Đại biểu HĐND, thành viên chính thức đoàn giám sát	đồng/người/ buổi	150.000	100.000	70.000
-	Trưởng đoàn, Phó đoàn	đồng/người/ buổi	200.000	150.000	100.000
-	Nhân viên phục vụ (phóng viên, lái xe)	đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
3	Chi khảo sát				
3.1	Chi bồi dưỡng khảo sát				
-	Trưởng đoàn, Phó đoàn	đồng/người/ buổi	200.000	150.000	100.000
-	Đại biểu HĐND, Thành viên chính thức của đoàn khảo sát	đồng/người/ buổi	150.000	100.000	70.000
-	Nhân viên phục vụ đoàn khảo sát (Phóng viên, lái xe)	đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
3.2	Chi xây dựng văn bản khảo sát				
-	Xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập đoàn khảo sát, đề cương khảo sát	đồng/cuộc	700.000	500.000	350.000
-	Báo cáo kết quả khảo sát	đồng/cuộc	500.000	350.000	250.000
4	Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại Phiên họp của Thường trực HĐND				
-	xây dựng kế hoạch phiên giải trình, chất vấn	đồng/văn bản	500.000	350.000	250.000
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, chất vấn	đồng/văn bản	500.000	350.000	250.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
-	Xây dựng Nghị quyết hoặc kết luận phiên chất vấn, giải trình	đồng/văn bản	500.000	350.000	250.000
IV	Hoạt động tiếp xúc cử tri				
1	Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (trường hợp có sự phối hợp TXCT nhiều cấp tại một điểm thì hỗ trợ mức chi của HĐND cấp cao nhất. <i>(chỉ áp dụng cho các tổ đại biểu tiếp xúc cử tri theo chương trình phối hợp với UBMT TQ Việt Nam các cấp)</i>	đồng/điểm	2.000.000	1.500.000	1.000.000
2	Chi bồi dưỡng				
-	Đại biểu HĐND, đại diện UB MTTQ Việt Nam các cấp chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri	đồng/người/buổi	150.000	100.000	70.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
3	Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri				
-	Báo cáo của Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	200.000	150.000	
-	Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND.	đồng/báo cáo	500.000	350.000	250.000
4	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri thường xuyên cho các đại biểu HĐND	đồng/tháng	300.000	200.000	150.000
V	Chi nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND của Đại biểu HĐND	đồng/người/tháng	300.000	200.000	150.000
VI	Chi may lễ phục				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
1	Đại biểu HĐND (02 bộ/nhiệm kỳ, đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	đồng/người/bộ	5.000.000	Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã trình HĐND xem xét quyết định trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của HĐND bảo đảm mức tối đa không cao hơn cấp tỉnh	
2	Công chức Văn phòng phục vụ trực tiếp (01 bộ/nhiệm kỳ)	đồng/người/bộ	5.000.000		
VI I	Chi khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND (đại biểu HĐND tham gia 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	đồng/người/năm	2.500.000	1.500.000	1.000.000
VI II	Kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm	Tổng kinh phí được cấp	0,3%	0,3%	0,3%
IX	Chi hỗ trợ thông tin				
	Các đại biểu HĐND được cung cấp báo chí, khai thác Internet theo hình thức khoán (đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	đồng/đại biểu/tháng	350.000	250.000	180.000
X	Thăm hỏi đại biểu và thân nhân của đại biểu HĐND; chi công tác xã hội				
1	Đại biểu HĐND				
-	Ôm phải điều trị nội trú tại bệnh viện, khi Thường trực HĐND đến thăm (1 năm không quá 2 lần)	đồng/người/lần	1.000.000	700.000	500.000
-	Mắc bệnh hiểm nghèo (1 năm không quá 2 lần)	đồng/người/lần	2.000.000	1.500.000	1.000.000
-	Từ trần (Đại biểu nguyên chức và đương chức)	đồng/người	1.500.000	1.000.000	700.000
2	Thân nhân của đại biểu HĐND từ trần				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con.	đồng/người	1.000.000	700.000	500.000
3.	Tặng quà đối với các đối tượng chính sách; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và lao động, công tác; các tập thể thuộc diện chính sách – xã hội (trại điều dưỡng, Làng SOS, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trường Dân tộc nội trú, Đoàn Biên phòng ...); tập thể, cá nhân gặp nhiều thiên tai, hỏa hoạn...				
-	Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	đồng/lần	3.000.000	2.000.000	1.500.000
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	đồng /lần	1.500.000	1.000.000	700.000
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	đồng/lần	2.000.000	1.500.000	1.000.000
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	đồng /lần	1.000.000	700.000	500.000
-	Tặng quà cho đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ, chuyển vùng, nghỉ chế độ	đồng /người/nhiệm kỳ	2.000.000	1.500.000	1.000.000